CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban Lãnh đạo đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ

Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 195 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số liệu đang được trình bày trên các chỉ tiêu công nợ phải thu, phải trả của báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm số liệu tại công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà chưa được đối chiếu đầy đủ, cụ thể:

- *Phải thu về cho vay ngắn hạn chưa được đối chiếu là 1.130.982.897 VND (tương ứng 21,48%%/số dư).*
- *Phải thu ngắn hạn của khách hàng chưa được đối chiếu là 7.133.791.842 VND (tương ứng 98,93%/số dư).*
- *Phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác chưa được đối chiếu là 22.433.462.943 VND (tương ứng 98,2 %/số dư).*
- *Phải trả ngắn hạn khác chưa được đối chiếu là 27.989.731.453 VND (tương ứng 100%/số dư).*
- *Phải trả nội bộ ngắn hạn chưa được đối chiếu là 6.200.643.198 VND (tương ứng 100%/số dư).*
- *Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chưa được đối chiếu là 1.088.625.350 VND (tương ứng 100%/số dư).*

Các thủ tục thay thế đã được thực hiện, tuy nhiên chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp; theo đó, chúng tôi không đưa đánh giá được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề số dư công nợ trên đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Văn Phòng Hồ Chí Minh
Lầu 10, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 2, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618 - Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng Đồng Nai
Số 79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560 - Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng Bình Dương
Số 12 đường số 5, tổ 19
Khu 3, P. Chánh Nghĩa
TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Số liệu đang được trình bày trên chỉ tiêu công nợ phải trả người bán của báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm số liệu tại công ty con - Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế chưa được đối chiếu là 2.353.657.703 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.378.316.420 VND), bên cạnh đó, các khoản Phải trả người bán tồn đọng là 7.855.629.347 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.699.421.751 VND) và khoản phải trả cho Diethelm & Co., Ltd giá trị là 442.204.908 VND đã ngừng hoạt động và đã đóng mã số thuế. Các thủ tục kiểm toán thay thế khác đã được chúng tôi thực hiện. Tuy nhiên, các bằng chứng kiểm toán thu thập được không đầy đủ và thích hợp. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác, quyền và nghĩa vụ về giá trị của các khoản công nợ nêu trên và ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà có các khoản công nợ phải thu tồn đọng với giá trị là 6.250.630.918 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.428.516.961 VND). Các thủ tục thay thế đã được thực hiện, tuy nhiên chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá xem dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập đầy đủ hay chưa. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được tính chính xác của các khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề số dư công nợ trên đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty con - Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu Chi nhánh Khách sạn Việt Linh theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC với số tiền khoảng 5,65 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4,79 tỷ VND) mà không căn cứ vào việc đánh giá về khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu Chi nhánh Khách sạn Việt Linh. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán nào khác để thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập cho các khoản công nợ phải thu Chi nhánh Khách sạn Việt Linh, cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty hay không.

Tại ngày lập báo cáo tài chính năm, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thu hồi để đánh giá trích lập dự phòng đối với hàng tồn kho tồn đọng với tổng giá trị là 3.524.171.755 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.298.169.583 VND) tại công ty con - Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế; đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà - Công ty con thực hiện kiểm kê hàng tồn kho (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) của các công trình trên cơ sở các chứng từ đã hoàn chi phí, số dư hàng tồn kho là chi phí chưa kết chuyển vào giá vốn. Chúng tôi không thể đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến khoản mục hàng tồn kho cũng như các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính của công ty con; theo đó chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 37 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo Kết luận số 1723/KL-STNMT ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn bản số 4599/UBND-ĐT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà - Công ty con có trách nhiệm thanh lý, chấm dứt hợp đồng cho thuê với 31 doanh nghiệp, cá nhân và 21 hộ gia đình của cán bộ công nhân viên và giao Cục Thuế thành phố Hà Nội kiểm tra, truy thu tiền thuê đất và thuế sử dụng đất với diện tích đất là 153.206,4 m2 mà công ty con đang quản lý tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty con đã thực hiện thông báo chấm dứt hợp đồng thuê, yêu cầu di dời, gửi Biên bản thanh lý hợp đồng và không thu tiền thuê từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 với tất cả các doanh nghiệp, cá nhân và hộ gia đình liên quan để thực hiện chủ trương di dời của thành phố. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty phải nộp tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp và tiền chậm nộp bao gồm khoản truy thu tiền thuê đất còn nợ từ năm 2006 - 2017; Tiền thuê đất tính tiếp từ năm 2018 - 2024 của diện tích bị tính truy thu và tiền thuê đất kỳ 2024 với số tiền là còn phải nộp là 184.533.163.623 VND (bao gồm cả tiền chậm nộp). Công ty con không có khoản dự phòng để nộp ngay số tiền trên. Do đó, cơ quan thuế đang thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không được sử dụng đối với công ty con để thực hiện thu hồi số tiền này. Công ty con muốn xuất hóa đơn cần được sự đồng ý của cơ quan thuế và phải nộp thuế tương ứng với 18% doanh thu trên hóa đơn. Mặt khác, theo Công văn số 5495/SCT-QLNL ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Sở Công thương gửi yêu cầu công ty con tìm kiếm đối tác trên địa bàn thành phố Hà Nội để hợp tác kinh doanh phân phối điện. Trong năm tài chính 2024, do khó khăn về năng lực tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà - Công ty con vẫn tiếp tục chuyển đổi hình thức kinh doanh từ trực tiếp phân phối bán lẻ điện sang hợp tác kinh doanh phân phối điện với Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Điện lực dẫn tới sự suy giảm đáng kể về doanh thu trong năm tài chính. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được bất kỳ cam kết hỗ trợ về tài chính nào từ các cổ đông của công ty con cho năm 2025. Chúng tôi cũng không thu thập được các bằng chứng đầy đủ và phù hợp nào khác để đánh giá về dòng tiền thanh toán các khoản công nợ đến hạn của công ty con trong năm 2025. Theo đó, chúng tôi không thể đánh giá được tính phù hợp của giả định hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của công ty con cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 37 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất:

- Hiện nay, tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà - Công ty con đã có một số doanh nghiệp di dời và ký Biên bản thanh lý; Các doanh nghiệp, cá nhân và hộ gia đình còn lại còn thời hạn thuê hoặc hết thời hạn thuê trong hợp đồng có quy định hoặc không quy định điều khoản bồi thường vẫn trây ì chưa di dời và không ký Biên bản thanh lý hợp đồng. Đối với các doanh nghiệp đã hết thời hạn hợp đồng thuê nhà xưởng nhưng chưa ký biên bản thanh lý và bàn giao nhà xưởng/mặt bằng. Công ty đã tiến hành khởi kiện một số doanh nghiệp ra Tòa án Nhân dân quận Bắc Từ Liêm để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đơn vị và Công ty đã ký các hợp đồng dịch vụ pháp lý với 02 công ty luật để bảo vệ quyền lợi của Công ty tại tòa. Tháng 11 năm 2023, Tòa án Nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã ra thông báo thụ lý vụ án.
- Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà - Công ty con chưa có kết luận xử phạt hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến Dự án 154 Cầu Diễn.

Số liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để soát xét báo cáo tài chính năm 2024 của chi nhánh này, theo đó chúng tôi không xác định được liệu có phải điều chỉnh các khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty hay không.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến (i) Thuyết minh số 8 - Phải thu ngắn hạn khác, Thuyết minh số 22 - Phần trả khác phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh; và (ii) Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất – Thông tin so sánh.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan các vấn đề này.

Vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 05 - Các khoản đầu tư tài chính của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất: (i) Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà, Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam được công ty khác kiểm toán; (ii) Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Việt Hà chưa được kiểm toán; (iii) Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi Sao và Công ty Cổ phần Đô thị sinh thái Vân Nội chưa thu thập được.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Chử Mạnh Hoàn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Bình Phương
Kiểm toán viên
CN ĐKHN Kiểm toán số: 5914-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**670.257.141.895**	**647.677.081.955**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**56.792.791.957**	**47.060.238.496**
1. Tiền	111		41.628.846.675	33.060.238.496
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.163.945.282	14.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**489.550.000.000**	**463.500.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		489.550.000.000	463.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**70.715.001.690**	**85.416.824.446**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	43.899.261.680	55.362.310.055
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.021.726.784	1.328.981.494
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		748.122.551	748.122.551
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	5.264.400.031	5.264.400.031
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	39.076.033.228	42.474.275.187
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(21.314.992.465)	(19.781.714.753)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		20.449.881	20.449.881
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**49.102.347.862**	**46.301.977.798**
1. Hàng tồn kho	141		54.557.995.279	51.573.778.518
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.455.647.417)	(5.271.800.720)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.097.000.386**	**5.398.041.215**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.146.276.877	1.912.122.794
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.130.792.241	2.169.148.389
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	819.931.268	1.316.770.032
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**473.277.411.161**	**475.964.942.016**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**20.921.381.096**	**20.462.763.475**
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		1.326.861.998	1.326.861.998
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	20.788.381.096	20.329.763.475
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(1.193.861.998)	(1.193.861.998)
II. Tài sản cố định	**220**		**124.333.929.019**	**133.264.563.436**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	124.333.929.019	133.264.563.436
- Nguyên giá	*222*		*485.026.695.373*	*483.722.729.033*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(360.692.766.354)*	*(350.458.165.597)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	*228*		*8.543.980.182*	*8.543.980.182*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(8.543.980.182)*	*(8.543.980.182)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**14**	**48.635.859.251**	**49.970.003.855**
- Nguyên giá	231		53.035.199.619	53.035.199.619
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(4.399.340.368)	(3.065.195.764)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**29.969.831.920**	**28.970.976.589**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		787.936.200	787.936.200
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	29.181.895.720	28.183.040.389
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**213.940.282.405**	**206.880.865.305**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		135.919.344.324	128.859.184.221
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		78.066.359.469	78.066.359.469
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(45.421.388)	(44.678.385)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**35.476.127.470**	**36.415.769.356**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	34.987.103.198	35.918.949.709
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		13.472.927	13.833.005
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		475.551.345	482.986.642
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**1.143.534.553.056**	**1.123.642.023.971**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**373.339.671.670**	**345.298.348.064**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**329.807.252.562**	**302.906.936.821**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	45.799.876.773	36.481.295.645
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	5.788.853.556	7.801.500.940
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	191.591.175.493	162.190.719.884
4. Phải trả người lao động	314		14.461.293.087	13.100.498.191
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	9.614.812.665	6.945.208.382
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	20	5.280.290.452	5.271.068.507
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	2.092.658.671	856.416.909
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	24.313.575.926	24.525.288.036
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	18.594.822.143	35.134.102.265
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.788.020.000	2.000.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.481.873.796	8.600.838.062
II. Nợ dài hạn	**330**		**43.532.419.108**	**42.391.411.243**
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	1.609.428.625	1.609.428.625
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	6.310.156.975	6.720.066.066
3. Phải trả dài hạn khác	337	22	23.836.822.824	22.787.767.724
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	1.088.625.350	1.088.625.350
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	25	10.687.385.334	10.185.523.478
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**770.194.881.386**	**778.343.675.907**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**24**	**770.194.881.386**	**778.343.675.907**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		769.000.000.000	769.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*769.000.000.000*	*769.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		659.046	659.046
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.670.653.269	17.769.282.407
4. Lỗ lũy kế	421		(102.429.864.912)	(88.788.636.251)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(120.001.888.127)*	*(102.478.235.820)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*17.572.023.215*	*13.689.599.569*
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		75.953.433.983	80.362.370.705
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**1.143.534.553.056**	**1.123.642.023.971**

Mai Xuân Sơn	**Trần Hòa Bình**	**Trần Hòa Bình**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**569.553.339.669**	**536.989.745.874**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		35.177.203.191	27.191.067.537
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**28**	**534.376.136.478**	**509.798.678.337**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	29	444.077.236.662	428.669.898.770
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**90.298.899.816**	**81.128.779.567**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	60.521.134.518	57.505.200.274
7. Chi phí tài chính	22	31	1.576.501.766	2.925.777.031
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.562.114.919*	*2.879.602.213*
8. Lãi từ hoạt động đầu tư vào Công ty liên kết	24		10.283.826.358	11.158.344.518
9. Chi phí bán hàng	25	32	50.428.905.915	44.937.785.416
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	56.526.579.606	55.796.029.183
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 25 - 26}	**30**		**52.571.873.405**	**46.132.732.729**
12. Thu nhập khác	31	34	4.199.783.483	3.463.548.425
13. Chi phí khác	32	35	31.342.811.215	28.972.235.415
14. Lợi nhuận/ (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(27.143.027.732)**	**(25.508.686.990)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**25.428.845.673**	**20.624.045.739**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.157.160.500	3.556.951.853
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		502.221.933	255.422.134
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**20.769.463.240**	**16.811.671.752**
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	*61*		*17.572.023.215*	*13.689.599.569*
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	*62*		*3.197.440.025*	*3.122.072.183*
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	228,50	119,13

Mai Xuân Sơn	**Trần Hòa Bình**	**Trần Hòa Bình**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***25.428.845.673***	***20.624.045.739***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13.509.761.164	16.952.783.822
- Các khoản dự phòng	03	2.505.887.412	278.617.435
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(89.230)	(155.328)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(60.260.612.456)	(57.379.155.379)
- Chi phí lãi vay	06	1.562.114.919	2.879.602.213
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***(17.254.092.518)***	***(16.644.261.498)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.905.771.873	(11.741.420.707)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.976.781.464)	19.499.336.729
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	34.832.861.891	(4.502.774.953)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	697.692.428	567.714.799
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.239.614.919)	(2.414.602.213)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.502.574.393)	(3.266.898.859)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.647.169.018)	(1.730.010.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***13.816.093.880***	***(20.232.916.916)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.186.539.078)	(2.498.877.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	154.454.546	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(66.250.000.000)	(59.647.600.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.325.095.891	39.684.852.055
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	69.790.307.784	57.403.215.164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***38.833.319.143***	***34.941.589.764***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	27.402.755.715	71.805.067.424
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.942.035.837)	(86.158.752.555)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.377.668.670)	(19.816.536.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(42.916.948.792)***	***(34.170.221.136)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**9.732.464.231**	**(19.461.548.288)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**47.060.238.496**	**66.521.631.456**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	89.230	155.328
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**56.792.791.957**	**47.060.238.496**

Mai Xuân Sơn	**Trần Hòa Bình**	**Trần Hòa Bình**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà, doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần cấp thay đổi lần thứ 06 ngày 08 tháng 7 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý buôn lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh; Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thiết bị trường học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn dược phẩm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng bệnh viện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội thất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán và chi phí đầu tư xây dựng công trình);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: Sản xuất mỹ phẩm;
- Điều hành tua du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất bao bì từ plastic;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hoạt động chính:

- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Khả năng so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại, chi tiết tại Thuyết minh số 41.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty:

Công ty có 01 đơn vị phụ thuộc: Nhà máy nước tinh khiết Opal; Địa chỉ: Số 300 Trường Chinh, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước tinh khiết.

Danh sách các Công ty con:

1. Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội;
2. Công ty Cổ phần Tràng An;
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế.

Danh sách các Công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Giầy Ngọc Hà;
2. Công ty Cổ phần Đồng Tháp;
3. Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội;
5. Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 5.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo hợp nhất này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Theo đó, Ban Lãnh đạo đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính nên Công ty đang xác định giá trị hợp lý của của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư là giá trị trên sổ sách của các Công ty con, liên kết này. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 đến 08 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính đến tháng 01/2064.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí quảng cáo và một số chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất, lợi thế kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 phân bổ trong vòng 10 năm.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa công ty con của Công ty và các tổ đội xây dựng hạch toán phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội	Cổ đông chiếm 51,04% vốn điều lệ
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	Cổ đông chiếm 36,10% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi Sao	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng và Dịch vụ Thương mại T&T	Công ty mẹ của Công ty TNHH Hàng tiêu dùng và Dịch vụ Thương mại T&T là Công ty mẹ của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tràng An là đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tràng An là đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tràng An là đại diện theo pháp luật
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.619.807.865	2.089.850.327
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.009.038.810	30.813.619.008
Tiền đang chuyển	-	156.769.161
Các khoản tương đương tiền (i)	15.163.945.282	14.000.000.000
Cộng	**56.792.791.957**	**47.060.238.496**

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	***489.550.000.000***	***489.550.000.000***	***463.500.000.000***	***463.500.000.000***
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	489.550.000.000	489.550.000.000	463.500.000.000	463.500.000.000

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng với lãi suất từ 3,2% - 6,2%/năm tại các Ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với số tiền 2.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng này. (Xem thuyết minh số 23).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Giá gốc (i)	Giá trị ghi sổ (ii) (Trình bày lại)	Số đầu năm (iii)	Giá trị hợp lý đầu năm	Phần chia lãi từ các công ty liên doanh, liên kết	Cổ tức được chia trong năm	Số cuối năm (iii)	Giá trị hợp lý cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư công ty liên doanh, liên kết	**114.875.600.000**	**118.895.916.034**	**128.859.184.221**		**10.283.826.357**	**(3.223.666.254)**	**135.919.344.324**	
Công ty CP Giầy Ngọc Hà	5.572.000.000	6.853.805.351	7.623.257.556	(*)	765.644.545	(707.306.254)	7.681.595.847	(*)
Công ty CP Đồng Tháp	3.540.000.000	-	-	(*)	-	-	-	(*)
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	80.000.000.000	83.492.146.506	87.492.107.955	(*)	3.497.828.685	-	90.989.936.640	(*)
Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	25.163.600.000	27.949.964.177	33.239.193.800	(*)	6.020.353.127	(2.516.360.000)	36.743.186.927	82.795.793.080
Công ty CP Thời trang Quốc tế Ngôi sao (iv)	600.000.000	600.000.000	504.624.910	(*)	-	-	504.624.910	(*)

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc (i)	Giá trị ghi sổ (ii) (Trình bày lại)	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc (i)	Giá trị ghi sổ (ii) (Trình bày lại)	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
c) Đầu tư vào đơn vị khác	**63.230.500.000**	**78.066.359.469**	**(45.421.388)**		**63.230.500.000**	**78.066.359.469**	**(44.678.385)**	
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	4.116.500.000	4.243.268.969	-	(*)	4.116.500.000	4.243.268.969	-	(*)
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	37.264.000.000	51.964.327.530	-	(*)	37.264.000.000	51.964.327.530	-	(*)
Công ty CP Đô thị sinh thái Vân Nội	14.000.000.000	14.008.762.970	(7.997.412)	(*)	14.000.000.000	14.008.762.970	(5.609.209)	(*)
Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 -Việt Nam	5.100.000.000	5.100.000.000	-	(*)	5.100.000.000	5.100.000.000	-	(*)
Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	-	(*)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	(*)
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Việt Hà	1.250.000.000	1.250.000.000	(37.423.976)	(*)	1.250.000.000	1.250.000.000	(39.069.176)	(*)

Ghi chú:

(i) Giá gốc các khoản đầu tư theo số liệu trước thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần.
(ii) Giá trị các khoản đầu tư ghi nhận trên sổ sách theo số liệu bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty Cổ phần.
(iii) Giá trị các khoản đầu tư được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
(iv) Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, Công ty thực hiện ghi nhận giá trị đầu tư Công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán năm 2020 của Công ty này.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

(*) Giá trị hợp lý:

- Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội không có giá niêm yết trên thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán và không có giao dịch trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố; do đó, chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này;

- Đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty liên kết trong năm:

Trong năm 2024, các Công ty liên kết bao gồm Công ty Cổ phần Giầy Ngọc Hà, Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội và Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà có lãi, Công ty Cổ phần Đồng Tháp hoạt động lỗ.

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Giầy Ngọc Hà; Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam được công ty khác kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Việt Hà chưa được kiểm toán.

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này Công ty vẫn chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi Sao và Công ty Cổ phần Đô thị sinh thái Vân Nội.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Đầu tư vào công ty con					
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	892.500	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo
Công ty Cổ phần Tràng An	Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	1.149.100	51,76%	51,76%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh từ bột; Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	1.860.390	88,59%	88,59%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	9.215.000	68,44%	68,44%	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Giầy Ngọc Hà	Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	557.200	29,33%	29,33%	Sản xuất giày dép
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	354.000	25,29%	25,29%	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	8.000.000	37,23%	37,23%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Quận Đống đa, thành phố Hà Nội	2.516.360	40,00%	40,00%	Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe con người
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	60.000	20,00%	10,20%	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	***19.139.400.892***	***33.246.252.692***
Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam (*)	18.023.256.134	29.162.023.258
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng và Dịch vụ Thương mại T&T	470.250.004	4.073.024.074
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	11.705.600	11.205.360
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	634.189.154	-
b) Phải thu của khách hàng là đối tượng khác	***24.759.860.788***	***22.116.057.363***
Trần Mạnh Hùng	2.553.207.872	2.960.963.272
Trần Tuấn Anh	1.570.358.400	1.570.358.400
Các đối tượng khác	20.636.294.516	17.584.735.691
Cộng	**43.899.261.680**	**55.362.310.055**

Ghi chú:

(*) Quyền đòi nợ và quyền thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn;...) của Công ty phát sinh từ Hợp đồng phân phối sản phẩm bánh kẹo Tràng An số 06/2022/TA-TMTA ngày 06 tháng 02 năm 2022 ký giữa Công ty Cổ phần Tràng An và Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam được sử dụng để đảm bảo khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (Chi tiết tại Thuyết minh số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cho vay ứng vốn các chủ nhiệm công trình (i)		
a) Phải thu gốc cho vay ứng vốn công trình	***4.760.810.287***	***4.760.810.287***
Trần Mạnh Hùng	2.858.516.961	2.858.516.961
Đỗ Văn Lũng	895.947.386	895.947.386
Các đối tượng khác	1.006.345.940	1.006.345.940
b) Phải thu lãi cho vay ứng vốn công trình	***503.589.744***	***503.589.744***
Các đối tượng khác	503.589.744	503.589.744
Cộng	**5.264.400.031**	**5.264.400.031**

Ghi chú:

(i) Là các hợp đồng ứng vốn cho các chủ nhiệm công trình tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà - Công ty con của Công ty với thời hạn là 6 tháng (Phụ lục hợp đồng gia hạn đến thời điểm công trình quyết toán hoặc thu được tiền từ các công trình) với lãi suất là 0,6%/tháng.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	***39.076.033.228***	***4.684.132.722***	***42.474.275.187***	***3.473.379.611***
Tạm ứng	4.507.329.563	905.657.851	4.929.643.189	905.657.851
Ký cược, ký quỹ	19.560.000	-	15.560.000	-
Phải thu khác:	34.549.143.665	3.778.474.871	37.529.071.998	2.567.721.760
- Lãi tiền gửi ngân hàng	*10.536.212.893*	-	*14.346.352.195*	-
- Công ty CP Địa ốc Hà Nội (i)	*17.047.784.000*	-	*17.047.784.000*	-
- Tiền thuế đất	*4.384.732.193*	*3.468.871.380*	*4.165.802.820*	*2.258.118.269*
- Các đối tượng khác	*2.580.414.579*	*309.603.491*	*1.969.132.983*	*309.603.491*
b) Phải thu khác dài hạn	***20.788.381.096***	-	***20.329.763.475***	-
Ký cược, ký quỹ	45.000.000	-	45.000.000	-
CTCP Thăng Long - Đông Anh (ii)	16.094.277.153	-	16.094.277.153	-
BQL Dự án Khu Đô thị Việt Hà (iii)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Các đối tượng khác	2.649.103.943	-	2.190.486.322	-

Ghi chú:

(i) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà - Công ty con của Công ty phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Hà Nội tiền sử dụng đất tại Dự án 235 Lạc Long Quân theo Kết luận số 2125/TTCP ngày 01/9/2009 tương ứng với diện tích đất của 22 căn hộ thuộc quyền sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật của Công ty này tại dự án nêu trên. Công ty tạm tính số tiền sử dụng đất này vào chi phí dự án phần của Công ty 02 căn (10%) với số tiền là 1.550.016.000 VND và ghi nợ phải thu Công ty Cổ phần Địa Ốc Hà Nội 22 căn (90%) với số tiền là 17.047.784.000 VND.

(ii) Khoản tiền thuê đất và thuế đất trả thay cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh thực hiện dự án theo Hợp đồng góp vốn số 27/2009/HĐGV ngày 30/7/2009 về việc hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh" và Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/9/2016, Phụ lục I ngày 16/9/2016 về việc Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình trong Dự án cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh.

Ngày 09/6/2022, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có Công văn số 1800/UBND-KH&ĐT về việc nhà đầu tư tự quyết định chấm dứt dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư ngày 17/6/2020. Đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty và Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh chưa tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(iii) Phải thu tiền hợp tác kinh doanh để đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Hà theo Quyết định liên doanh số 2011/QĐ-LĐ gồm các bên tham gia là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà, Công ty TNHH Đại Hoàng Long, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam. Theo đó nguồn kinh phí khởi điểm của dự án đầu tư là 6 tỷ VND. Tại ngày cuối năm, Công ty đã góp 2 tỷ VND.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	***22.854.675.956***	***1.539.683.491***	***22.094.931.928***	***2.313.217.175***
Chi nhánh CTCP Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh - Bên liên quan	6.952.024.013	1.304.558.489	7.066.479.819	2.279.014.295
Trần Mạnh Hùng	1.674.144.363	-	1.674.144.363	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	-	1.277.373.145	-
Đỗ Văn Lũng	895.947.386	-	895.947.386	-
Vũ Mạnh Thắng	823.312.700	-	823.312.700	-
Trần Bình Dần	590.413.500	-	590.413.500	-
Các đối tượng khác	10.641.460.849	235.125.002	9.767.261.015	34.202.880
b) Dài hạn	***1.193.861.998***	-	***1.193.861.998***	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	1.030.636.998	-	1.030.636.998	-
Trung tâm kiểm định chất lượng và Kinh tế xây dựng	163.225.000	-	163.225.000	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.040.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.196.716.126	3.576.667.305	35.238.070.136	3.535.003.154
Công cụ, dụng cụ	2.729.449.680	-	3.372.074.501	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	350.874.620	-	438.748.227	-
Thành phẩm	13.214.218.391	1.878.980.112	8.100.597.545	1.736.797.566
Hàng hoá	4.694.599.481	-	4.205.813.201	-
Hàng gửi đi bán	367.096.981	-	218.474.908	-
Cộng	**54.557.995.279**	**5.455.647.417**	**51.573.778.518**	**5.271.800.720**

Ghi chú:

(i) Tại ngày 31/12/2024, giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển trong năm là 3.524.171.755 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.298.169.583 VND); Công ty đánh giá tình trạng phẩm chất của hàng tồn kho ứ đọng trên và xác định vẫn còn dùng được trong quá trình sản suất sau này.

(ii) Tại ngày 31/12/2024, số dư hàng tồn kho bao gồm hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Tràng An với số tiền là 21.561.910.964 VND được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (Chi tiết tại Thuyết minh số 23).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***2.146.276.877***	***1.912.122.794***
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	968.458.263	271.566.748
Tiền thuê nhà	-	213.811.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.177.818.614	1.426.744.712
b) Dài hạn	***34.987.103.198***	***35.918.949.709***
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.407.114.095	2.284.287.872
Tiền thuê đất (i)	31.848.878.042	32.832.399.217
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.731.111.061	802.262.620

Ghi chú:

(i) Bao gồm:

- Tiền thuê đất Công ty Cổ phần Tràng An - Công ty con của Công ty trả trước một lần theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BS762758 ngày 20/8/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, diện tích sử dụng là 23.327 m2 trong thời gian từ ngày 01/01/2011 đến ngày 13/01/2056.

- Tiền thuê đất Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Công ty con của Công ty trả một lần với diện tích 23.390 m2 đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất ở Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê lại đất số 09/HDTLD-HT ngày 28/9/2007 và Phụ lục số 01 ngày 30/9/2010, thời gian thuê từ ngày 30/01/2008 đến ngày 13/01/2056. Đơn giá thuê đất đã có cơ sở hạ tầng là 650.000 VND/m2 áp dụng cho suốt thời gian thuê, tổng số tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê là 15.203.500.000 VND.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**212.291.185.502**	**240.213.600.284**	**26.567.607.463**	**4.552.711.784**	**97.624.000**	**483.722.729.033**
Mua trong năm	1.052.985.779	740.000.000	1.451.996.364	-	-	3.244.982.143
Thanh lý, nhượng bán	-	(444.037.000)	(1.496.978.803)	-	-	(1.941.015.803)
Số dư cuối năm	**213.344.171.281**	**240.509.563.284**	**26.522.625.024**	**4.552.711.784**	**97.624.000**	**485.026.695.373**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**98.248.463.815**	**224.291.712.324**	**23.806.734.876**	**4.037.118.627**	**74.135.955**	**350.458.165.597**
Khấu hao trong năm	6.321.990.665	5.238.951.712	540.063.898	64.891.077	9.719.208	12.175.616.560
Thanh lý nhượng bán	-	(444.037.000)	(1.496.978.803)	-	-	(1.941.015.803)
Số dư cuối năm	**104.570.454.480**	**229.086.627.036**	**22.849.819.971**	**4.102.009.704**	**83.855.163**	**360.692.766.354**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	**114.042.721.687**	**15.921.887.960**	**2.760.872.587**	**515.593.157**	**23.488.045**	**133.264.563.436**
Số dư cuối năm	**108.773.716.801**	**11.422.936.248**	**3.672.805.053**	**450.702.080**	**13.768.837**	**124.333.929.019**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 259.618.189.489 VND (tại ngày 31/12/2023 là 216.076.119.816 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem thế chấp các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2024 là 66.282.521.746 VND (tại ngày 31/12/2023 là 68.136.750.828 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết, bị hỏng và không thể sử dụng được tại ngày 31/12/2024 là 610.075.626 VND (tại ngày 31/12/2023 là 610.075.626 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Chương trình phần mềm	Chuyển giao công nghệ	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	131.551.318	1.389.431.180	5.653.054.009	1.369.943.675	8.543.980.182
Số dư cuối năm	131.551.318	1.389.431.180	5.653.054.009	1.369.943.675	8.543.980.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư đầu năm	131.551.318	1.389.431.180	5.653.054.009	1.369.943.675	8.543.980.182
Số dư cuối năm	131.551.318	1.389.431.180	5.653.054.009	1.369.943.675	8.543.980.182
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 8.483.980.182 VND (tại ngày 31/12/2023 là 8.543.980.182 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	**53.035.199.619**	**53.035.199.619**
Số dư cuối năm	**53.035.199.619**	**53.035.199.619**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	**3.065.195.764**	**3.065.195.764**
Khấu hao trong năm	1.334.144.604	1.334.144.604
Số dư cuối năm	**4.399.340.368**	**4.399.340.368**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	**49.970.003.855**	**49.970.003.855**
Số dư cuối năm	**48.635.859.251**	**48.635.859.251**

Bất động sản đầu tư bao gồm:

+ Bất động sản đầu tư là 2.038 m2 (trong đó diện tích thông thủy là 1.954 m2) diện tích sàn tại nhà HH01 thuộc Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ, văn phòng và nhà ở tại số 87 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

+ 500 m2 của 2 sàn thương mại tại tòa nhà Tràng An Complex Số 1, phố Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Mua sắm	***2.707.878.341***	***2.707.878.341***
Máy chưng cất tạo cồn thơm từ thảo mộc	2.707.878.341	2.707.878.341
b) Xây dựng cơ bản dở dang	***26.474.017.379***	***25.475.162.048***
Dự án vườn sinh thái Việt Hà	1.226.401.837	1.013.521.744
Dự án xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh (i)	25.028.737.360	24.381.640.304
Các công trình khác	218.878.182	80.000.000
Cộng	**29.181.895.720**	**28.183.040.389**

Ghi chú:

(i) Theo Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư dự án "Tổ hợp thương mại, dịch vụ kết hợp giới thiệu sản phẩm Công ty Đầu tư Việt Hà" tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư là 184,9 tỷ VND. Trong năm 2020 Công ty đang thực hiện công tác thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp với người dân, tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, công tác thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vẫn chưa hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán là các bên liên quan	***4.102.760.268***	***4.102.760.268***	***3.666.947.663***	***3.666.947.663***
Công ty Cổ phần Bia và NGK Việt Hà	4.102.760.268	4.102.760.268	3.666.947.663	3.666.947.663
b) Phải trả người bán ngắn hạn là đối tượng khác	***41.697.116.505***	***41.697.116.505***	***32.814.347.982***	***32.814.347.982***
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	6.012.146.902	6.012.146.902	3.056.073.451	3.056.073.451
Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu bao bì Hà Nội	5.982.543.727	5.982.543.727	2.136.511.312	2.136.511.312
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	1.688.862.250	1.688.862.250	1.688.862.250	1.688.862.250
Công ty Cổ phần Bao bì Liksin Phương Bắc	1.496.051.621	1.496.051.621	1.599.784.684	1.599.784.684
Công ty Cổ phần Khải Minh KMG	1.694.088.000	1.694.088.000	1.456.326.000	1.456.326.000
Công ty TNHH Vật tư công nghệ phẩm TTN	1.147.429.052	1.147.429.052	964.363.453	964.363.453
Các đối tượng khác	23.675.994.953	23.675.994.953	21.912.426.832	21.912.426.832
Cộng	**45.799.876.773**	**45.799.876.773**	**36.481.295.645**	**36.481.295.645**

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Quân Vương	547.494.167	796.652.435
Nhà phân phối Hương Tuấn	-	388.727.003
Ông Dương Văn Tuấn	549.462.225	-
Đối tượng khác	4.691.897.164	6.616.121.502
Cộng	**5.788.853.556**	**7.801.500.940**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.723.196.263	11.897.683.926	11.986.262.083	2.634.618.106
Thuế tiêu thụ đặc biệt	33.927.559	219.754.881	242.285.086	11.397.354
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.035.361.820	4.157.160.500	3.502.574.393	2.689.947.927
Thuế thu nhập cá nhân	123.078.462	2.762.616.587	2.423.916.079	461.778.970
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	120.515.757.412	20.901.835.091	6.148.944.213	135.268.648.290
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	36.759.398.368	14.013.699.751	248.313.273	50.524.784.846
Cộng	**162.190.719.884**	**53.952.750.736**	**24.552.295.127**	**191.591.175.493**
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	801.229.445	-	-	801.229.445
Thuế thu nhập cá nhân	347.903.412	347.903.412	12.239.111	12.239.111
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	167.460.942	468.199.654	307.025.191	6.286.479
Thuế bảo vệ môi trường	176.233	-	-	176.233
Cộng	**1.316.770.032**	**816.103.066**	**319.264.302**	**819.931.268**

Ghi chú:

(i) Trong đó, tiền thuế nhà đất và tiền thuê đất phi nông nghiệp từ tháng 12/2006 tới ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà còn phải nộp là 134.939.814.630 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***9.614.812.665***	***6.945.208.382***
Trích trước chi phí lãi vay - Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà - Bên liên quan	6.170.250.000	5.847.750.000
Chiết khấu doanh số, sản lượng	1.000.000.000	-
Chi phí phải trả khác	2.444.562.665	1.097.458.382
b) Dài hạn	***1.609.428.625***	***1.609.428.625***
Chi phí trích trước các công trình (i)	1.609.428.625	1.609.428.625

Ghi chú:

(i) Chi phí trích trước các công trình tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà.

20. PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả nội bộ ngắn hạn (i)	***5.280.290.452***	***5.271.068.507***
Trần Tuấn Anh	2.103.069.887	2.093.847.942
Trần Mạnh Hùng	753.791.617	753.791.617
Võ Đức Sự	1.025.902.642	1.025.902.642
Hoàng Văn Vui	560.333.160	560.333.160
Các đối tượng khác	837.193.146	837.193.146

Ghi chú:

(i) Các khoản phải trả nội bộ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà.

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***2.092.658.671***	***856.416.909***
Doanh thu cho thuê nhận trước	651.295.034	409.090.909
Doanh thu cho thuê diện tích sàn thương mại	1.441.363.637	447.326.000
b) Dài hạn	***6.310.156.975***	***6.720.066.066***
Doanh thu cho thuê nhận trước từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ Đô (i)	5.726.454.175	6.136.363.266
Doanh thu chưa thực hiện khác	583.702.800	583.702.800

Ghi chú:

(i) Là số tiền thu theo Hợp đồng thuê nhà số 178/HĐKT ngày 01/11/2007, Phụ lục Hợp đồng ngày 29/10/2010 và Phụ lục số 2 ngày 22/02/2012 và Hợp đồng thuê nhà ngày 27/4/2012 giữa Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ đô về việc cho thuê toàn bộ khu nhà 36 Bát Đàn và 82 Hàng Gà trên lô đất có diện tích 294,62 m2 để Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ Đô sẽ cải tạo, xây dựng và nâng cấp tòa nhà thành một tòa nhà cao cấp phục vụ mục đích kinh doanh tổng hợp, cho thuê văn phòng; Thời hạn cho thuê là 40 năm tính từ ngày 01/01/2010; Giá thuê là 450 triệu VND/năm; Thanh toán tiền thuê 5 năm đầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày căn nhà được bàn giao; Trả trước ngay một lần trong năm 2012 tiền thuê trong thời hạn 25 năm tiếp theo và được miễn tiền thuê trong thời hạn 10 năm sau cùng.

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***24.313.575.926***	***24.525.288.036***
Các khoản trích theo lương	1.219.297.930	1.055.553.910
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	107.400.000	741.752.000
Tiền sử dụng đất (i)	20.002.898.928	19.776.091.122
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.983.979.068	2.951.891.004
- Chiết khấu thương mại phải trả	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	*67.046.250*	*60.382.000*
- Các đối tượng khác	*2.916.932.818*	*2.891.509.004*
b) Dài hạn	***23.836.822.824***	***22.787.767.724***
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.454.029.887	10.404.974.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.382.792.937	12.382.792.937
- Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh (ii)	*4.800.000.000*	*4.800.000.000*
- Dự án Phú Minh	*200.000.000*	*200.000.000*
- Dự án 154 Cầu Diễn (iii)	*372.257.910*	*372.257.910*
- Dự án Khu đô thị Việt Hà (iv)	*6.864.547.027*	*5.864.547.027*
- Công ty Cổ phần Địa ốc Hà Nội (v)	*1.143.788.000*	*1.143.788.000*
- Phải trả khách hàng góp vốn thực hiện dự án	*2.200.000*	*2.200.000*

Ghi chú:

(i) Trong đó, bao gồm 18.597.800.000 VND là khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải nộp Ngân sách Nhà nước tiền sử dụng đất cho diện tích đất 1.555 m2, vị trí số 1, tại 235 Lạc Long Quân theo Kết luận số 2125/TTCP ngày 01/9/2009 với số tiền là 24.880.000.000 VND, đến thời điểm hiện tại Công ty đã nộp số tiền 6.282.200.000 VND, số còn phải nộp là 18.597.800.000 VND.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/HĐ-HTĐT tháng 7/2001 và Phụ lục hợp đồng ngày 30/12/2002 thì Công ty Cổ phần Địa Ốc Hà Nội sẽ đóng góp 90% kinh phí. Tuy nhiên đến thời điểm này, Công ty Cổ phần Địa Ốc Hà Nội chưa xác nhận nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.

(ii) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/9/2016 và Phụ lục I ngày 16/9/2016 về việc xác định nghĩa vụ tài chính phải trả về việc hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh". Số dư khoản phải trả này theo biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm 31/12/2024, Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh ghi nhận là 10,8 tỷ VND. Nguyên nhân chênh lệch do Công ty đã ghi nhận 6 tỷ VND vào thu nhập theo Thông báo kết quả kiểm toán số 669/TB-KVI ngày 25/11/2016 về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 của thành phố Hà Nội tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà (tên trước khi cổ phần hoá của Công ty).

(iii) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà và Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc để lại 1 phần lợi nhuận được chia để chờ giải quyết những tồn tại của dự án theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở để bán ở 154 Cầu Diễn.

(iv) Như trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác mục (iii) phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, các bên tham gia dự án Đầu tư Khu đô thị Việt Hà đã góp 6 tỷ VND để thực hiện Dự án. Số dư tại ngày cuối năm thể hiện khoản tiền góp vốn của các bên tham gia dự án sau khi đã trừ các chi phí làm việc ban đầu liên quan đến dự án.

(v) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải trả chi phí xây 2 căn hộ Dự án 235 Lạc Long Quân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	***18.594.822.143***	***18.594.822.143***	***27.402.755.715***	***43.942.035.837***	***35.134.102.265***	***35.134.102.265***
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà - Bên liên quan (i)	7.500.000.000	7.500.000.000			7.500.000.000	7.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (ii)	9.506.714.591	9.506.714.591	24.314.648.163	42.442.035.837	27.634.102.265	27.634.102.265
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Chương Dương (iii)	1.588.107.552	1.588.107.552	1.588.107.552	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Trung Hòa	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	***1.088.625.350***	***1.088.625.350***	***-***	***-***	***1.088.625.350***	***1.088.625.350***
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (iv)	1.088.625.350	1.088.625.350	-	-	1.088.625.350	1.088.625.350

Ghi chú:

(i) Khoản hỗ trợ vốn từ Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà theo các Hợp đồng hỗ trợ vốn từ số 01 đến 04 HĐHT - CPVH ngày 15/11/2011 và các Phụ lục kèm theo, mức phí hỗ trợ vốn được quy định trong từng Phụ lục hợp đồng. Các phụ lục ký tại ngày 31/12/2022 gia hạn đối với các khoản hỗ trợ này đến ngày 31/12/2023.

(ii) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT140-TRANGAN ngày 16/9/2024, hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND kể từ ngày 16/9/2024 đến hết ngày 16/9/2025, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng nhằm bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất được điều chỉnh trong từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm: tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền hàng năm tại Lô CN6, khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Phùng Xã, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; hàng tồn kho đang được lưu trữ và luân chuyển tại địa chỉ kho duy nhất của bên thế chấp tại Lô CN6, khu công nghiệp Thạch Thất, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn quyền đòi nợ và quyền thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn;...) của Bên vay phát sinh từ: Hợp đồng phân phối sản phẩm bánh kẹo Tràng An số 01/2016/TA-TMTA ngày 05/01/2016 ký giữa Công ty Cổ phần Tràng An (TA) và Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An Việt Nam (TM)..

(iii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức tín dụng. Mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất 9%/năm. Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng này.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST/ (lỗ) chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (Trình bày lại)	**769.000.000.000**	**659.046**	**11.044.925.494**	**(76.212.929.730)**	**85.539.597.678**	**789.372.252.488**
Lãi trong năm	-	-	-	13.689.599.569	3.122.072.183	16.811.671.752
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.724.356.913	(6.724.356.913)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.430.636.023)	(780.099.156)	(5.210.735.179)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.304.000.000)	(7.519.200.000)	(19.823.200.000)
Hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	(2.806.313.154)	-	(2.806.313.154)
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	**769.000.000.000**	**659.046**	**17.769.282.407**	**(88.788.636.251)**	**80.362.370.705**	**778.343.675.907**
Lãi trong năm	-	-	-	17.572.023.215	3.197.440.025	20.769.463.240
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.901.370.862	(9.901.370.862)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.528.204.752)	(515.926.747)	(5.044.131.499)
Chia cổ tức	-	-	-	(19.301.900.000)	(7.090.450.000)	(26.392.350.000)
Hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	2.518.223.738	-	2.518.223.738
Số dư cuối năm nay	**769.000.000.000**	**659.046**	**27.670.653.269**	**(102.429.864.912)**	**75.953.433.983**	**770.194.881.386**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 06 ngày 08/7/2019, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	392.502.000.000	51,04%	392.502.000.000	51,04%
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	277.580.890.000	36,10%	277.580.890.000	36,10%
Ông Nguyễn Đức Duy	96.575.310.000	12,56%	-	0,00%
Ông Đỗ Ngọc Khanh	-	0,00%	96.575.310.000	12,56%
Các đối tượng khác	2.341.800.000	0,30%	2.341.800.000	0,30%
Cộng	**769.000.000.000**	**100%**	**769.000.000.000**	**100%**

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	10.687.385.334	10.185.523.478
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**10.687.385.334**	**10.185.523.478**

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.273,25	1.409,66

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh đồ uống có cồn (bia, rượu)	Kinh doanh bánh mứt kẹo	Hoạt động xây dựng	Tổng
Năm nay	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	188.324.940.305	343.112.761.954	2.938.434.219	534.376.136.478
Giá vốn hàng bán	173.744.329.104	267.078.598.565	3.254.308.993	444.077.236.662
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	**14.580.611.201**	**76.034.163.389**	**(315.874.774)**	**90.298.899.816**
Chi phí không phân bổ				106.955.485.521
Doanh thu từ hoạt động đầu tư				70.804.960.876
Chi phí từ hoạt động tài chính				1.576.501.766
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				**52.571.873.405**
Lãi/(Lỗ) khác				(27.143.027.732)
Lợi nhuận trước thuế				25.428.845.673
Thuế TNDN hiện hành				4.157.160.500
Thuế TNDN hoãn lại				502.221.933
Lợi nhuận sau thuế				**20.769.463.240**

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Theo khu vực địa lý

Các hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra tại khu vực miền Bắc, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**569.553.339.669**	**536.989.745.874**
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	*523.115.019.375*	*487.702.028.937*
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	*39.852.533.911*	*41.620.979.872*
- Doanh thu cho thuê sàn thương mại	*2.417.035.775*	*2.119.418.000*
- Doanh thu khác	*4.168.750.608*	*5.547.319.065*
Trong đó doanh thu với các bên liên quan	**227.969.735.497**	**214.024.425.651**
Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam	226.829.506.895	213.226.448.006
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng và Dịch vụ Thương mại T&T	-	429.408.400
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	462.292.844	103.868.930
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	29.677.494	-
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	267.911.425	251.017.980
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	13.225.384	13.682.335
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	367.121.455	-
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	**35.177.203.191**	**27.191.067.537**
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	*28.206.083.503*	*23.320.289.552*
- Giảm giá hàng bán	*5.751.584*	-
- Hàng bán bị trả lại	*6.965.368.104*	*3.870.777.985*
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	**534.376.136.478**	**509.798.678.337**

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	407.634.530.065	389.034.292.775
Giá vốn cung cấp dịch vụ	34.904.221.809	38.342.336.324
Giá vốn cho thuê sàn thương mại	1.354.638.091	1.297.106.080
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(20.693.440)	(3.836.409)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	204.540.137	-
Cộng	**444.077.236.662**	**428.669.898.770**

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.170.008.111	38.652.492.761
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.090.604.345	18.726.662.618
Lãi chênh lệch tỷ giá	20.946.272	51.695
Doanh thu hoạt động tài chính khác	239.575.790	125.993.200
Cộng	**60.521.134.518**	**57.505.200.274**

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ bản quyền nhãn hiệu (i)	1.500.000.000	1.500.000.000
Các khoản thưởng, hỗ trợ bán hàng	1.009.181.441	1.293.318.183
Thanh lý tài sản	145.454.546	-
Thu nhập khác	1.545.147.496	670.230.242
Cộng	**4.199.783.483**	**3.463.548.425**

Ghi chú:

(i) Khoản tiền thu từ bản quyền nhãn hiệu với Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam (Hợp đồng 03/2023/TA-TA2 ngày 01/02/2023) và Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam (Hợp đồng 01/2023/TA-TA3 ngày 01/01/2023) giá trị mỗi hợp đồng 750.000.000 VND thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền thuê đất và sử dụng đất phi nông nghiệp	15.228.374.803	14.649.386.425
Các khoản bị phạt	13.831.166.204	12.214.076.804
Tiền thuê đất 11-13 Nguyễn Chí Thanh bổ sung	-	834.757.638
Chi phí khác	2.283.270.208	1.274.014.548
Cộng	**31.342.811.215**	**28.972.235.415**

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	**17.572.023.215**	**13.689.599.569**
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.528.204.752)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	**17.572.023.215**	**9.161.394.816**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	76.900.000	76.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**228,50**	**119,13**
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2023, theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi điều chỉnh lại là 114,70 VND/Cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Số trích	Tỷ lệ sở hữu	Số ghi nhận
	VND	%	VND
Công ty cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	3.978.867.790		3.978.867.790
Công ty Cổ phần Tràng An	934.620.507	51,76%	483.771.362
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội	128.560.000	51,00%	65.565.600
Cộng			**4.528.204.752**

37. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Kết luận số 1723/KL-STNMT ngày 24/8/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Văn bản số 4599/UBND-ĐT ngày 19/9/2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà - Công ty con có trách nhiệm thanh lý, chấm dứt hợp đồng cho thuê với 31 doanh nghiệp, cá nhân và 21 hộ gia đình của cán bộ công nhân viên và giao Cục thuế thành phố Hà Nội kiểm tra, truy thu tiền thuê đất và thuế sử dụng đất với diện tích đất 153.206,4 m2 mà Công ty con đang quản lý tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty con đã thực hiện thông báo chấm dứt hợp đồng thuê, yêu cầu di dời, gửi Biên bản thanh lý hợp đồng và không thu tiền thuê từ ngày 01/01/2018 với tất cả các doanh nghiệp, cá nhân và hộ gia đình liên quan để thực hiện chủ trương di dời của thành phố. Tuy nhiên trong 21 hộ gia đình thì có 20 gia đình đã sửa chữa, cải tạo lại, thậm chí xây thành nhà kiến cố 3 - 5 tầng và không có ý định chấp thuận việc chấm dứt các hợp đồng thuê nhà. Các gia đình có kiến nghị xin thành phố xem xét cho chuyển đổi mục đích sử dụng do đã sinh sống lâu dài và hiện không biết chuyển đi đâu. Đối với gian nhà cho tổ dân phố (TDP) Phú Minh mượn làm nhà văn hóa: Công ty tiếp tục có văn bản đôn đốc TDP Phú Minh trả lại. Tuy nhiên, do chưa bố trí được diện tích làm nhà văn hóa cho TDP Phú Minh nên phường Cổ Nhuế 2 có văn bản đề nghị Công ty cho mượn thêm một thời gian nữa trong khi chờ phường bố trí được diện tích làm nhà văn hóa cho TDP Phú Minh. Đối với các doanh nghiệp đã hết thời hạn hợp đồng thuê nhà xưởng nhưng chưa ký biên bản thanh lý và bàn giao nhà xưởng/mặt bằng. Công ty đã tiến hành khởi kiện một số doanh nghiệp ra Tòa án Nhân dân quận Bắc Từ Liêm để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đơn vị và Công ty đã ký các hợp đồng dịch vụ pháp lý với 02 công ty luật để bảo vệ quyền lợi của Công ty tại tòa. Tháng 11/2023, Tòa án Nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã ra thông báo thụ lý vụ án. Tại ngày 31/12/2023, Công ty con phải nộp tiền thuê đất và tiền nộp chậm cho diện tích 153.206,4 m2 tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội từ ngày 12/10/2006 đến ngày 31/12/2023 và tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp các địa điểm khác của năm 2023 số tiền là 156.218.486.170 VND. Công ty con không có khoản dự phòng để nộp ngay số tiền trên, Do đó, cơ quan thuế đang thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không được sử dụng đối với công ty con để thực hiện thu hồi số tiền này. Công ty con muốn xuất hóa đơn cần được sự đồng ý của cơ quan thuế và phải nộp thuế tương ứng với 18% doanh thu trên hóa đơn. Trong năm tài chính 2023, công ty con vẫn hợp tác kinh doanh phân phối điện với Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Điện lực để có nguồn duy trì hoạt động của công ty con.

Theo Báo cáo số 334/BC-SXD(TTr) ngày 06/11/2017 của Sở Xây dựng và Công văn số 12057/VP-ĐT ngày 18/12/2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội thì Dự án 154 Cầu Diễn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà - Công ty con có những vi phạm trong xây dựng: Chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án kiến trúc; Các công trình nhà ở thấp tầng xây sai quy hoạch khi nâng từ 3 tầng lên 4 đến 6 tầng, xây dựng vào 577,6 m2 diện tích dành cho cây xanh, tổng diện tích sàn xây dựng vượt quy hoạch là 5.004,5 m2. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, công ty con chưa có kết luận xử phạt hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty con có thể phát sinh các nghĩa vụ liên quan đến xử phạt hành chính nói trên. Theo quyết toán với Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc, 2 bên thống nhất giữ lại 1 phần lợi nhuận để giải quyết các tồn tại của dự án là 372.257.910 VND.

Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Công ty con giao quyền kinh doanh độc lập cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh. Chi nhánh này tự chịu trách nhiệm nộp các nghĩa vụ thuế cho Ngân sách Nhà nước. Công ty chưa cộng hợp các số liệu của chi nhánh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Công ty con có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế và pháp lý liên quan đến chi nhánh này.

Từ năm 2018, Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Công ty con hạch toán tiền thuê đất vào giá vốn theo đơn giá cũ công ty con ký hợp đồng với các cơ quan chức năng. Đồng thời tại một số địa điểm kinh doanh, chi nhánh khác của công ty con cũng có sự chênh lệch về tiền thuê đất và thuê nhà theo đơn giá mới. Công ty con đang làm việc với các cơ quan chức năng về các đơn giá tiền thuê đất và thuê nhà này. Khi có quyết định cuối cùng của các cơ quan chức năng, Công ty con sẽ có các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản tiền thuê đất và thuê nhà đã nhận và thu bổ sung để nộp (nếu có) từ các cửa hàng kinh doanh khác và các điều chỉnh vào chi phí của công ty con (nếu có). Đến ngày lập báo cáo này, chưa có quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng về đơn giá thuê này.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	19.683.447.493	36.222.727.615
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(56.792.791.957)	(47.060.238.496)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	770.194.881.386	778.343.675.907
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,0%**	**0,0%**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.792.791.957	47.060.238.496
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.254.821.541	97.190.771.966
Đầu tư tài chính ngắn hạn	489.550.000.000	463.500.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	213.940.282.405	206.880.865.305
Tổng cộng	**841.537.895.903**	**814.631.875.767**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	19.683.447.493	36.222.727.615
Phải trả người bán và phải trả khác	93.950.275.523	83.794.351.405
Chi phí phải trả	11.224.241.290	8.554.637.007
Tổng cộng	**124.857.964.306**	**128.571.716.027**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Lãnh đạo đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Lãnh đạo Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.792.791.957	-	56.792.791.957
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.660.302.443	19.594.519.098	81.254.821.541
Đầu tư tài chính ngắn hạn	489.550.000.000	-	489.550.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	213.940.282.405	213.940.282.405
Tổng cộng	**608.003.094.400**	**233.534.801.503**	**841.537.895.903**
Số cuối năm			
Các khoản vay	18.594.822.143	1.088.625.350	19.683.447.493
Phải trả người bán và phải trả khác	70.113.452.699	23.836.822.824	93.950.275.523
Chi phí phải trả	9.614.812.665	1.609.428.625	11.224.241.290
Tổng cộng	**98.323.087.507**	**26.534.876.799**	**124.857.964.306**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**509.680.006.893**	**206.999.924.704**	**716.679.931.597**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.060.238.496	-	47.060.238.496
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.054.870.489	19.135.901.477	97.190.771.966
Đầu tư tài chính ngắn hạn	463.500.000.000	-	463.500.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	206.880.865.305	206.880.865.305
Tổng cộng	**588.615.108.985**	**226.016.766.782**	**814.631.875.767**
Số đầu năm			
Các khoản vay	35.134.102.265	1.088.625.350	36.222.727.615
Phải trả người bán và phải trả khác	61.006.583.681	22.787.767.724	83.794.351.405
Chi phí phải trả	6.945.208.382	1.609.428.625	8.554.637.007
Tổng cộng	**103.085.894.328**	**25.485.821.699**	**128.571.716.027**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**485.529.214.657**	**200.530.945.083**	**686.060.159.740**

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31/12/2024 ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Ngoài số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 5, 6, 9, 16 và 19. Trong năm, Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	***80.940.962***	***69.504.902***
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	69.504.902	69.504.902
Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam	11.436.060	-

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua Hàng	**172.109.826.943**	**167.115.371.741**
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	170.424.756.585	165.904.391.115
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	450.000.000	457.700.000
Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam	1.235.070.358	753.280.626
Thanh toán tiền mua hàng hóa và dịch vụ	**186.896.973.603**	**184.021.709.597**
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	186.401.973.603	182.663.096.150
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	495.000.000	503.470.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	-	31.438.386
Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam	-	823.705.061
Bán hàng	**227.937.494.838**	**213.995.803.609**
Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam	226.829.506.895	213.226.448.006
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	462.292.844	103.868.930
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	29.677.494	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	367.121.455	425.583.273
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	248.896.150	239.903.400
Thu tiền bán hàng	**230.711.240.704**	**205.624.836.619**
Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam	229.537.996.200	204.300.000.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	195.085.116	792.491.741
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	32.051.692	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	722.000.000	288.000.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	224.107.696	244.344.878
Chi phí lãi vay	**322.500.000**	**465.000.000**
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	322.500.000	465.000.000
Cổ tức	**34.830.191.691**	**5.401.332.191**
Công ty Cổ phần Giầy Ngọc Hà	707.086.800	655.972.191
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	5.032.720.000	2.516.360.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	1.012.500.000	1.351.500.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	1.530.000.000	877.500.000
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	26.547.884.891	-
Thu nhập khác	**1.500.000.000**	**2.016.182.600**
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà - Các khoản thưởng, hỗ trợ bán hàng	-	516.182.600
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	750.000.000	750.000.000

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Nguyễn Thanh Tùng	730.582.500	640.440.300
Mai Xuân Sơn	783.895.975	709.452.675
Lưu Nguyễn Chí Nhân	108.400.000	102.400.000
Phạm Việt Hùng	883.152.062	789.701.200
Nguyễn Thị Kim Loan	634.065.212	516.510.000
Cộng	**3.140.095.749**	**2.758.504.175**

40. THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng chính phủ; Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 06/6/2023 của Uỷ ban Nhân dân thành phố Hà Nội và Công văn số 4280/UBND-KTTH ngày 19/12/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025, Công ty nằm trong danh mục thoái toàn bộ vốn góp của nhà nước.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán. Một số số liệu của năm trước được trình bày lại do phát hiện một số sai sót cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày lại	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	87.180.795.360	(9.114.435.891)	78.066.359.469	(i)
Quỹ đầu tư phát triển	418	21.696.296.697	(3.927.014.290)	17.769.282.407	(i)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(97.290.814.219)	(5.187.421.601)	(102.478.235.820)	(i)

Ghi chú:

(i) Theo Quyết định số 4A/2025/NQ-HĐQT ngày 28/3/2025 của Hội đồng Quản trị, Công ty: (i) Điều chỉnh giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tương ứng với cổ tức/lợi nhuận được chia từ lợi nhuận chưa phân phối của các công ty này trước thời điểm cổ phần hoá; (ii) Ghi giảm giá trị trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nội dung điều chỉnh này tại kỳ họp tới.

Chỉ tiêu lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Công ty con là báo cáo tài chính văn phòng (không bao gồm chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh).

Mai Xuân Sơn	**Trần Hòa Bình**	**Trần Hòa Bình**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025